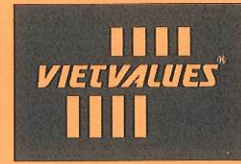


Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 40
7. Phụ lục – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	41



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Ban Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626 lần thứ 20 ngày 15 tháng 03 năm 2021.

Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tư tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMC.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (28) 38 966 819
- Fax : + 84 (28) 38 963 210
- Mã số thuế : 0 3 0 1 4 4 4 6 2 6

• Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

1. Trạm xăng dầu số 12 tại số 44 Quốc lộ 1A, ấp 4, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, mã số chi nhánh 0301444626-030; hạch toán phụ thuộc;
2. Trạm xăng dầu số 11 tại 44/13 đường ĐT 743, KP Bình Phước B, P. Bình Chuẩn, TP Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-029; hạch toán phụ thuộc;
3. Trạm xăng dầu số 10 tại 10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-028; hạch toán phụ thuộc;
4. Trạm xăng dầu số 14 tại tổ 25, KP Hương Phước, P. Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mã số chi nhánh 0301444626-032; hạch toán phụ thuộc;
5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2 tại 7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-034; hạch toán phụ thuộc;
6. Trạm xăng dầu Long Bình tại 90 Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-040; hạch toán phụ thuộc;
7. Trạm xăng dầu số 6 tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-042; hạch toán phụ thuộc;
8. Trạm xăng dầu số 3 tại 228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-019; hạch toán phụ thuộc;
9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy tại 719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-037; hạch toán phụ thuộc;
10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú tại 392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-046; hạch toán phụ thuộc;
11. Trạm xăng dầu số 1 tại 744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-017; hạch toán phụ thuộc;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

12. Trạm xăng dầu Linh Xuân tại 507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-039; hạch toán phụ thuộc;
13. Trạm xăng dầu số 7 tại 77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-033; hạch toán phụ thuộc;
14. Trạm xăng dầu Bình Thọ tại 2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-001; hạch toán phụ thuộc;
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy tại 701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-036; hạch toán phụ thuộc;
16. Cửa hàng thương mại số 2 tại 507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-044; hạch toán phụ thuộc;
17. Trạm xăng dầu số 19 tại 54/1B Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-045; hạch toán phụ thuộc;
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-004; hạch toán phụ thuộc;
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, Tp. 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-005; hạch toán phụ thuộc;
20. Cửa hàng xăng dầu số 4 tại 236 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-007; hạch toán phụ thuộc;
21. Cửa hàng xăng dầu số 2 tại 139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Tam Bình, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-008; hạch toán phụ thuộc;
22. Cửa hàng xăng dầu Long Trường tại 21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-009; hạch toán phụ thuộc;
23. Cửa hàng xăng dầu số 5 tại 163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-010; hạch toán phụ thuộc;
24. Cửa hàng xăng dầu số 8 tại thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; mã số chi nhánh: 0301444626-011; hạch toán phụ thuộc;
25. Cửa hàng xăng dầu số 9 tại 85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-012; hạch toán phụ thuộc;
26. Cửa hàng xăng dầu số 15 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-013; hạch toán phụ thuộc;
27. Cửa hàng xăng dầu số 18 tại Quốc lộ 1A, thôn Phú Sơn, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, mã số chi nhánh 0301444626-031; hạch toán phụ thuộc;
28. Cửa hàng xăng dầu số 20 tại 1459 Quốc lộ 1K, khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-016; hạch toán phụ thuộc;
29. Cửa hàng xăng dầu số 16 tại 189 Xa lộ Hà Nội, Khu phố 3, phường Phước Long A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh; mã số chi nhánh 0301444626-021; hạch toán phụ thuộc;
30. Cửa hàng xăng dầu số 22 tại DT.741, ấp Thuận Hải, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam; mã số chi nhánh 0301444626-023; hạch toán phụ thuộc.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch	22/06/2021	-
Ông Võ Khánh Hưng	Chủ tịch	24/04/2018	22/06/2021
Ông Hoàng Đình Sơn	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Huỳnh Ngọc Thành	Thành viên	04/12/2019	-
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	24/04/2018	-

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Trưởng ban	27/03/2020	-
Ông Nguyễn Phú Khánh	Thành viên	27/03/2020	-
Ông Phạm Khắc Vũ Thụy	Thành viên	24/04/2018	-

4.3 Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	17/07/2020	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc	27/03/2020	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc	20/07/2021	-
Bà Nghiêm Thị Thanh Mai	Phó Giám đốc	25/11/2016	-
Ông Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng	20/07/2021	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Hoàng Đình Sơn – Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 41.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2022.

TM. Ban Giám đốc



HOÀNG ĐÌNH SƠN
Giám đốc

Số: 2012/22/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 02 năm 2022, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện Kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính Công ty của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính Công ty. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính Công ty do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Công ty trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

31281
CÔNG T
H NHIỆM
TOÁN VÀ
I UÁN
7P. H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		148.425.629.737	133.537.211.684
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	18.528.858.893	12.469.980.528
111	1. Tiền		18.528.858.893	12.469.980.528
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	1.199.051.081	2.135.410.028
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.199.087.278	2.270.159.234
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(36.197)	(134.749.206)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		47.266.062.257	25.372.001.857
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	36.269.270.632	20.167.656.158
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	4.526.245.503	1.115.758.742
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	6.470.546.122	4.088.586.957
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	80.738.553.308	89.107.732.623
141	1. Hàng tồn kho		80.738.553.308	89.107.732.623
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		693.104.198	4.452.086.648
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		322.704.543	250.454.546
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		22.224.911	4.201.632.102
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	348.174.744	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		183.236.493.839	186.338.080.898
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		154.306.359.121	159.975.370.725
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	47.855.194.816	51.776.302.428
222	- Nguyên giá		142.118.788.600	139.878.334.055
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(94.263.593.784)	(88.102.031.627)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	106.451.164.305	108.199.068.297
228	- Nguyên giá		126.362.119.803	126.362.119.803
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.910.955.498)	(18.163.051.506)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.9	6.480.748.886	6.966.805.058
231	- Nguyên giá		12.203.241.726	12.203.241.726
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.722.492.840)	(5.236.436.668)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		15.559.746.846	12.227.982.625
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	15.559.746.846	12.227.982.625
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		6.242.799.471	6.297.265.863
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2b	8.922.871.000	8.962.871.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.680.071.529)	(2.665.605.137)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		646.839.515	870.656.627
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	186.491.610	372.983.202
268	2. Tài sản dài hạn khác	V.12	460.347.905	497.673.425
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		331.662.123.576	319.875.292.582

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		134.513.396.658	123.403.551.743
310	I. Nợ ngắn hạn		106.660.653.246	106.098.535.598
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	65.231.020.741	59.330.877.296
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	2.526.950.978	1.306.969.323
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	2.047.867.977	2.099.736.972
314	4. Phải trả người lao động	V.16	23.420.181.276	9.025.491.412
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	8.219.178
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	13.185.815.570	9.307.680.242
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	-	21.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	248.816.704	4.019.561.175
330	II. Nợ dài hạn		27.852.743.412	17.305.016.145
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.20	23.024.393.926	12.476.666.659
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.17b	71.349.486	71.349.486
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	V.21	4.757.000.000	4.757.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.22	197.148.726.918	196.471.740.839
410	I. Vốn chủ sở hữu		197.148.726.918	196.471.740.839
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		124.000.000.000	124.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.458.121.096	27.458.121.096
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		30.454.668.968	30.068.563.055
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.235.936.854	14.945.056.688
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.472.282.266	7.222.938.419
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		13.763.654.588	7.722.118.269
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		331.662.123.576	319.875.292.582

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2022

Giám đốc



HOÀNG ĐÌNH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Kết quả hoạt động kinh doanh
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.568.477.252.740	1.417.847.062.086
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		271.960.688	1.309.982.844
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.568.205.292.052	1.416.537.079.242
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	1.448.383.460.766	1.324.563.374.493
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		119.821.831.286	91.973.704.749
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.294.758.827	2.685.624.404
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	96.006.993	(1.009.541.329)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		147.045.758	406.789.335
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	60.531.153.237	54.283.917.011
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	45.545.980.986	32.099.970.497
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.943.448.897	9.284.982.974
31	11. Thu nhập khác		502.709.525	637.294.354
32	12. Chi phí khác		236.220.585	321.623.323
40	13. Lợi nhuận khác		266.488.940	315.671.031
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.209.937.837	9.600.654.005
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	3.446.283.249	1.878.535.736
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.763.654.588	7.722.118.269
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	833	424
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	833	424

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng

VIÊN THIÊN KHANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2022

Giám đốc


HOÀNG ĐÌNH SƠN

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.209.937.837	9.600.654.005
	2. Điều chỉnh cho các khoản		8.222.358.918	5.649.028.129
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.7; V.8; V.9	8.395.522.321	8.333.105.001
03	- Các khoản dự phòng		(120.246.617)	(2.657.387.358)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(199.962.544)	(433.478.849)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	147.045.758	406.789.335
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.432.296.755	15.249.682.134
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(17.332.423.761)	12.757.606.808
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		8.369.179.315	13.754.332.160
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		35.493.920.763	(7.001.936.490)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		114.241.595	536.711.713
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		1.071.071.956	1.947.749.854
14	- Tiền lãi vay đã trả		(155.264.936)	(420.922.006)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(3.098.167.648)	(1.797.885.656)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	V.19	5.000.000	11.920.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.19	(5.702.412.980)	(7.305.834.625)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		44.197.441.059	27.731.423.892
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(6.255.850.758)	(12.594.528.079)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40.000.000	2.480.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		237.288.064	433.478.849
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.978.562.694)	(9.681.049.230)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	79.554.377.081	237.501.140.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(100.554.377.081)	(256.316.140.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.22	(11.160.000.000)	(6.200.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(32.160.000.000)	(25.015.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		6.058.878.365	(6.964.625.338)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	12.469.980.528	19.434.605.866
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	18.528.858.893	12.469.980.528

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

VIÊN THIÊN KHANH



HOÀNG ĐÌNH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (sau đây gọi là “Công ty”)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh xe gắn máy.
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị.
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng.
- Sắt thép, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, mặc dù Công ty vẫn chịu ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp Sars – Covid 2 (Covid 19). Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế trong kỳ tăng so với cùng kỳ năm trước là do nhu cầu sử dụng xăng dầu trên thế giới tăng mạnh đã tác động đến giá xăng dầu thành phẩm tăng trong thời gian vừa qua kéo theo giá xăng dầu trong nước tăng theo, trong đó có 15 lần tăng giá và 7 lần giảm giá, dẫn đến lãi gộp của mặt hàng xăng dầu của Công ty tăng, từ đó hiệu quả kinh doanh cải thiện rõ rệt so với kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Trạm xăng dầu số 12	44 Quốc lộ 1A, ấp 4, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
2. Trạm xăng dầu số 11	44/13 Đường ĐT 743, KP Bình Phước B, P. Bình Chuẩn, TP Thuận An, tỉnh Bình Dương
3. Trạm xăng dầu số 10	10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
4. Trạm xăng dầu số 14	Tổ 25, KP Hương Phước, P.Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2	7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
6. Trạm xăng dầu Long Bình	90, Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
7. Trạm xăng dầu số 6	740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
8. Trạm xăng dầu số 3	228 Võ Văn Ngân, p.Trường Thọ, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy	719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú	392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
11. Trạm xăng dầu số 1	744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, T.p Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
12. Trạm xăng dầu Linh Xuân	507A Quốc lộ 1A, p.Linh Xuân, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
13. Trạm xăng dầu số 7	77 Tô Ngọc Vân, p.Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
14. Trạm xăng dầu Bình Thọ	2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy	701 Kha Vạn Cân, p.Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
16. Cửa hàng thương mại số 2	507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
17. Trạm xăng dầu số 19	54/1 Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh
18. CH vật liệu xây dựng số 1	1106 Kha Vạn Cân, p.Linh Chiểu, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
19. CH vật liệu xây dựng số 740A	740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
20. Cửa hàng xăng dầu số 4	236 Võ Văn Ngân, p.Bình Thọ, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
21. Cửa hàng xăng dầu số 2	139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Tam Bình, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
22. CH xăng dầu Long Trường	21 Nguyễn Duy Trinh, p.Long Trường, q.9, Tp. Hồ Chí Minh
23. Cửa hàng xăng dầu số 5	163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
24. Cửa hàng xăng dầu số 8	Thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
25. Cửa hàng xăng dầu số 9	85 Nguyễn Duy Trinh, p.Bình Trưng Tây, q.2, Tp. Hồ Chí Minh
26. Cửa hàng xăng dầu số 15	1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
27. Cửa hàng xăng dầu số 18	Quốc lộ 1A, thôn Phú Sơn, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận
28. Cửa hàng xăng dầu số 20	1459 Quốc lộ 1K, khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
29. Cửa hàng xăng dầu số 16	189 Xa lộ Hà Nội, Khu phố 3, phường Phước Long A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
30. Cửa hàng xăng dầu số 22	DT.741, ấp Thuận Hải, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 271 nhân viên đang làm việc, tại ngày đầu năm có 270 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	06 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 25

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	4.281.784.577	6.965.670.177
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.167.756.016	5.473.718.451
- Tiền đang chuyển	79.318.300	30.591.900
Cộng	18.528.858.893	12.469.980.528

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
- Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau (CMV)	580.134.371	593.895.000	-	886.981.563	758.157.000	(128.824.563)
- Công ty CP Vật tư xăng dầu (COM)	585.538.344	904.075.000	-	585.538.344	989.000.000	-
- Công ty CP Thép Pomina (POM)	168.047	131.850	(36.197)	18.839.843	12.915.200	(5.924.643)
- Tổng Công ty CP Phong Phú (PPH)	1.128.000	2.640.000	-	648.318.000	818.444.000	-
- Công ty CP Dệt Việt Thắng (TVT)	32.118.516	90.560.000	-	130.481.484	299.000.000	-
Cộng	1.199.087.278	1.591.301.850	(36.197)	2.270.159.234	2.877.516.200	(134.749.206)

Đối với cổ phiếu có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2021 của các Sở giao dịch chứng khoán.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(134.749.206)	(1.426.609.256)
Trích lập dự phòng bổ sung	(36.197)	(97.943.300)
Hoàn nhập dự phòng	134.749.206	1.389.803.350
Số cuối năm	(36.197)	(134.749.206)

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	8.922.871.000	6.242.799.471	(2.680.071.529)	8.962.871.000	6.297.265.863	(2.665.605.137)
- Công ty CP Dệt Đông Á ⁽¹⁾	897.500.000	-	(897.500.000)	897.500.000	-	(897.500.000)
- Công ty CP XNK Vĩnh Long ⁽²⁾	339.000.000	-	(339.000.000)	339.000.000	-	(339.000.000)
- Công ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec ⁽³⁾	4.186.371.000	2.742.799.471	(1.443.571.529)	4.186.371.000	2.757.265.863	(1.429.105.137)
- Công ty CP Pvoil Sài Gòn ⁽⁴⁾	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
- Công ty TNHH Ba Tháng Hai	-	-	-	40.000.000	40.000.000	-
Cộng	8.922.871.000	6.242.799.471	(2.680.071.529)	8.962.871.000	6.297.265.863	(2.665.605.137)

Đối với cổ phiếu chưa lưu ký và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

(1) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 897.500.000 đồng, tương ứng nắm giữ 0,88% vốn điều lệ (số đầu năm là 897.500.000 đồng, tương ứng 0,88% vốn điều lệ).

(2) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 339.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 0,65% vốn điều lệ (số đầu năm là 339.000.000 đồng, tương ứng 0,65% vốn điều lệ).

(3) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 4.186.371.000 đồng, tương ứng nắm giữ 0,08% vốn điều lệ (số đầu năm là 4.186.371.000 đồng, tương ứng 0,08% vốn điều lệ).

(4) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 3.500.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 1,75% vốn điều lệ (số đầu năm là 3.500.000.000 đồng, tương ứng 1,75% vốn điều lệ).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.665.605.137)	(4.031.132.445)
Trích lập dự phòng bổ sung	(22.518.733)	(83.379.056)
Hoàn nhập dự phòng	8.052.341	1.448.906.364
Số cuối năm	(2.680.071.529)	(2.665.605.137)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chủ yếu là khoản phải thu bán xăng dầu cho khách hàng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	36.269.270.632	20.167.656.158
- Công ty CP Cảng Bình Dương	2.686.042.570	-
- Công ty CP Cảng Phước Long	2.127.326.580	-
- Công ty CP DV Giao hàng nhanh	2.278.345.664	2.889.303.015
- Công ty CP Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (GEMALINK)	2.033.855.000	214.680.000
- Các đối tượng khác	27.143.700.818	17.063.673.143
Cộng	36.269.270.632	20.167.656.158

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho bên liên quan	126.840	-
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Hà Nội	126.840	-
Trả trước cho người bán khác	4.526.118.663	1.115.758.742
- Công ty Honda Việt Nam – Chi nhánh TP HCM	3.204.967.551	1.023.655.822
- Công ty TNHH Kỹ Thuật Nam Dương	694.040.556	-
- Các đối tượng khác	627.110.556	92.102.920
Cộng	4.526.245.503	1.115.758.742

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các tổ chức là bên liên quan (*)	2.670.911.350	-	1.043.944.611	-
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.911.828.059	-	825.847.640	-
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	254.691.989	-	150.467.681	-
- Các đối tượng khác	504.391.302	-	67.629.290	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.799.634.772	-	3.044.642.346	-
- Ký quỹ ngắn hạn	1.586.583.800	-	1.486.583.800	-
- Tạm ứng ngắn hạn	746.140.000	-	30.000.000	-
- Phải thu khác	1.466.910.972	-	1.528.058.546	-
Cộng	6.470.546.122	-	4.088.586.957	-

(*) Là các khoản phải thu hộ theo Hợp đồng mua bán xăng dầu tại cửa hàng xăng dầu tham gia chương trình PVOIL EASY.

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	132.245.048	-	132.245.048	-
- Hàng hóa(*)	80.606.308.260	-	88.975.487.575	-
Cộng	80.738.553.308	-	89.107.732.623	-

(*) Hàng hóa chủ yếu là xăng dầu, xe máy.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	99.363.391.783	22.881.971.735	16.774.017.018	858.953.519	139.878.334.055
Mua trong năm	-	195.000.000	2.045.454.545	-	2.240.454.545
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	99.363.391.783	23.076.971.735	18.819.471.563	858.953.519	142.118.788.600
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	52.679.684.373	20.730.824.080	13.876.418.580	815.104.594	88.102.031.627
Khấu hao trong năm	4.537.495.404	714.799.374	882.958.039	26.309.340	6.161.562.157
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	57.217.179.777	21.445.623.454	14.759.376.619	841.413.934	94.263.593.784
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	46.683.707.410	2.151.147.655	2.897.598.438	43.848.925	51.776.302.428
Số cuối năm	42.146.212.006	1.631.348.281	4.060.094.944	17.539.585	47.855.194.816

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 53.299.934.170 đồng.

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài ⁽¹⁾	Quyền sử dụng đất có thời hạn ⁽²⁾	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	56.189.779.636	69.238.100.167	934.240.000	126.362.119.803
Mua trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	56.189.779.636	69.238.100.167	934.240.000	126.362.119.803
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		17.463.859.494	699.192.012	18.163.051.506
Khấu hao trong năm	-	1.630.379.988	117.524.004	1.747.903.992
Số cuối năm	-	19.094.239.482	816.716.016	19.910.955.498
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	56.189.779.636	51.774.240.673	235.047.988	108.199.068.297
Số cuối năm	56.189.779.636	50.143.860.685	117.523.984	106.451.164.305

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 346.620.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

⁽¹⁾ Quyền sử dụng đất tại phường Phú Hữu, quận 9, Tp. HCM, thửa đất số 542, diện tích 1.794,6 m², mục đích sử dụng đất: Đất thương mại, dịch vụ (cửa hàng kinh doanh xăng dầu), thời hạn sử dụng 50 năm, từ ngày 04 tháng 09 năm 2019 và các Quyền sử dụng đất khác.

⁽²⁾ Quyền sử dụng đất tại Ấp 4, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thửa đất số 31, diện tích 4.608,8 m², mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị 356,46 m²; đất trồng cây lâu năm 4.252,37 m², thời hạn sử dụng đất lâu dài 356,46 m²; đến tháng 12/2043 diện tích 4.252,37 m²; Quyền sử dụng đất tại xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, thửa đất số 1, diện tích 2.516,2 m², mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh, thời hạn sử dụng 43 năm đến ngày 08/12/2052; Quyền sử dụng đất tại 228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, thửa đất số 1, diện tích 175,5 m², mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh, thời hạn sử dụng đến ngày 31/12/2060; Quyền sử dụng đất tại 139B Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Tam Bình, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM, thửa đất số 66, diện tích 2.008 m², mục đích sử dụng đất: Đất thương mại, dịch vụ (xây dựng trạm xăng dầu), thời hạn sử dụng đất 50 năm, hết hạn ngày 05/11/2052 và các Quyền sử dụng đất khác.

9. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	12.203.241.726	12.203.241.726
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	12.203.241.726	12.203.241.726
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	5.236.436.668	5.236.436.668
Khấu hao trong năm	486.056.172	486.056.172
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	5.722.492.840	5.722.492.840
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	6.966.805.058	6.966.805.058
Số cuối năm	6.480.748.886	6.480.748.886

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 51.837.500 đồng.

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có các quy định về việc xác định giá trị hợp lý.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Trung tâm Thương mại dịch vụ Thủ Đức	12.151.404.226	5.670.655.340	6.480.748.886
- Cửa hàng 2/9 chợ Bình Triệu	51.837.500	51.837.500	-
Cộng	12.203.241.726	5.722.492.840	6.480.748.886

Thu nhập từ cho thuê bất động sản:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ cho thuê bất động sản	6.628.891.850	3.003.181.824
Cộng	6.628.891.850	3.003.181.824

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
CHXD Phú Hữu	12.228.282.625	2.213.842.567	-	-	14.441.825.192
CHXD 24 (Quận 12)	-	267.518.018	-	-	267.518.018
Bãi đậu xe bồn và vỉa hè tại CHXD Phú Hữu	-	850.403.636	-	-	850.403.636
Cộng	12.228.282.625	3.331.764.221	-	-	15.559.746.846

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	186.491.610	372.983.202
Cộng	186.491.610	372.983.202

Tình hình biến động chi phí trả trước:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	372.983.202	873.894.917
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ trong năm,	(186.491.592)	(500.911.715)
Số cuối năm	186.491.610	372.983.202

12. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phân bổ của các tài sản dùng để hợp tác kinh doanh ^(*)	460.347.905	497.673.425
Cộng	460.347.905	497.673.425

^(*) Đây là giá trị còn lại của các tài sản, vật tư dùng để thực hiện hợp tác kinh doanh với Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng kinh doanh số 32/HĐHTKD ngày 08/02/2002 và Phụ lục Hợp đồng số 19 ngày 02/11/2021.

Hình thức hợp tác kinh doanh: tài sản liên doanh đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới). Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức điều hành, ghi kế toán hoạt động kinh doanh này.

Thời gian hoạt động của dự án: 30 năm.

Tài sản Công ty đưa đi để thực hiện dự án là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Phân chia lợi ích: Công ty nhận khoản lãi cố định hàng tháng, tổng số lãi Công ty đã ghi nhận trong năm là 2.237.658.543 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	62.289.704.388	57.411.761.097
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	45.695.038.075	49.978.918.762
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. HCM	11.978.640.000	725.800.000
- Các đối tượng khác	4.616.026.313	6.707.042.335
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	2.941.316.353	1.919.116.199
- Công ty Honda Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	1.852.949.569	1.699.086.815
- Công ty TNHH Thanh Vy	300.000.000	-
- Các đối tượng khác	788.366.784	220.029.384
Cộng	65.231.020.741	59.330.877.296

Trong đó: Số dư Nợ phải trả người bán cuối năm quá hạn là 0 đồng.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	2.526.950.978	1.306.969.323
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng TM và DV Thuận Đức Lợi ^(*)	1.800.643.900	-
- Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng TM Long Vĩnh ^(*)	612.885.000	-
- Các đối tượng khác	113.422.078	1.306.969.323
Cộng	2.526.950.978	1.306.969.323

(*) Là các khoản trả trước tiền mua sắt thép theo Hợp đồng mua bán sắt thép số 06/HĐMBST ngày 22/12/2021 và 07/HĐMBST ngày 22/12/2021

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	42.365.128	-	7.953.957.869	(7.745.996.796)	250.326.201	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.307.328.338	-	3.533.788.580	(3.098.167.648)	1.742.949.270	-
- Thuế thu nhập cá nhân	750.043.506	-	546.421.845	(1.241.872.845)	54.592.506	348.174.744
- Thuế môn bài	-	-	36.500.000	(36.500.000)	-	-
- Khoản thuế khác	-	-	11.137.455.540	(11.137.455.540)	-	-
Cộng	2.099.736.972	-	23.208.123.834	(23.259.992.829)	2.047.867.977	348.174.744

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) phải nộp trong trong được dự tính như sau:**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.209.937.837	9.600.654.005
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	236.202.398	297.512.661
- Các khoản điều chỉnh giảm	(214.724.000)	2.642.505.598
Thu nhập chịu thuế	17.231.416.235	7.255.661.068
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.446.283.249	1.451.132.213
Truy thu Thuế TNDN của năm trước		427.403.523
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.446.283.249	1.878.535.736
Thuế TNDN nộp thay cho bên liên doanh	87.505.331	65.179.208
Tổng Thuế TNDN phải nộp	3.533.788.580	1.943.714.944

16. Phải trả người lao động

Quỹ lương trong trong được tạm trích theo Quyết định số 226/QĐ-TMC-HĐQT ngày 17/09/2021 về việc giao Quỹ lương kế hoạch năm 2021.

17. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (*)	7.208.399.627	4.013.197.269
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Pvoil Miền Trung	1.647.104.850	271.838.730
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	1.092.329.880	513.119.120
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	889.833.242	32.582.050
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	844.841.150	931.110.530
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	705.244.360	211.990.310
- Đối tượng khác	2.029.046.145	2.052.549.529
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	5.977.415.943	5.294.482.973
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (**)	4.232.600.000	4.131.100.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.744.815.943	1.163.389.973
Cộng	13.185.815.570	9.307.680.242

Trong đó: Số dư Nợ phải trả ngắn hạn khác cuối trong quá hạn là 0 đồng.

(*) Là các khoản phải trả hộ theo Hợp đồng mua bán xăng dầu tại cửa hàng xăng dầu tham gia chương trình PVOIL EASY

(**) Chủ yếu là nhận ký quỹ từ các khách hàng kinh doanh xăng dầu và đối tượng thuê mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	71.349.486	71.349.486
- Vốn góp của Liên doanh Long Bình (*)	71.349.486	71.349.486
Cộng	71.349.486	71.349.486

(*) Là khoản nhận vốn góp liên doanh của Nguyễn Thị Nghiệp theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 71,5% và chia cho Nguyễn Thị Nghiệp là 28,5%.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-	21.000.000.000	21.000.000.000
- NH TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Sài Gòn	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000
- NH TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Gia Định	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	-	-	21.000.000.000	21.000.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	21.000.000.000	79.554.377.081	(100.554.377.081)	-
Cộng	21.000.000.000	79.554.377.081	(100.554.377.081)	-

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	4.019.561.175	1.926.668.509	5.000.000	(5.702.412.980)	248.816.704
Cộng	4.019.561.175	1.926.668.509	5.000.000	(5.702.412.980)	248.816.704

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	23.024.393.926	12.476.666.659
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	23.024.393.926	12.476.666.659
Cộng	23.024.393.926	12.476.666.659

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Đây là khoản trích chi phí phải trả về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại điều 5, Thông tư 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài chính.

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở *Phụ lục* đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PVOIL)	63.257.300.000	51,01	63.257.300.000	51,01
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	18.471.600.000	14,90	18.471.600.000	14,90
- Vốn góp của các đối tượng khác	42.271.100.000	34,09	42.271.100.000	34,09
Cộng	124.000.000.000	100,00	124.000.000.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	124.000.000.000	124.000.000.000	-
Cộng	124.000.000.000	124.000.000.000	-

22c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	124.000.000.000	124.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	124.000.000.000	124.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối theo Nghị quyết số 216/NQ-TMC-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2021	11.160.000.000	6.200.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(11.160.000.000)	(6.200.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

22e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

22f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết số 216/NQ-TMC-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Đại Hội đồng cổ đông như sau:

• Trích thưởng Ban Quản lý	:	227.272.500
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	1.699.396.009
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	386.105.913
• Chia cổ tức còn lại cho các cổ đông trong năm 2020	:	11.160.000.000
Cộng	:	13.472.774.422

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Hàng hoá nhận giữ hộ là xăng, dầu của các khách hàng gửi tại các cửa hàng xăng dầu của Công ty, chi tiết:

	<u>Tại ngày 31/12/2021</u>		<u>Tại ngày 31/12/2020</u>	
	<u>Số lượng (lít)</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Số lượng (lít)</u>	<u>Số tiền</u>
Dầu DO (0,05% S Max)	41.619	664.768.634	82.436	927.029.916
Xăng Ron 95 – III	28.120	595.376.886	38.817	581.196.072
Xăng E5 Ron 92 – II	7.582	155.431.000	12.734	179.549.400
Cộng	77.321	1.415.576.520	133.987	1.687.775.388

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	1.557.897.656.995	1.403.425.173.672
+Doanh thu bán xăng dầu	1.466.083.864.350	1.281.629.897.942
+Doanh thu bán xe máy	79.707.233.223	102.501.706.362
+Doanh thu bán sắt thép	12.106.559.422	18.335.269.430
+ Điện máy, điện tử gia dụng	-	918.735.033
+ Doanh thu bán gas	-	39.564.905
- Doanh thu dịch vụ tiệc cưới	-	3.561.015.909
- Doanh thu cho thuê mặt bằng và khác	10.307.635.057	9.550.889.661
Cộng	1.568.205.292.052	1.416.537.079.242

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.445.004.535.756	1.324.563.374.493
+Giá vốn bán xăng dầu	1.364.387.028.553	1.213.385.284.992
+Giá vốn bán xe máy	70.383.632.704	90.386.458.098
+ Giá vốn bán sắt thép	10.233.874.499	17.439.729.228
+ Điện máy, điện gia dụng	-	918.735.033
+ Giá vốn bán gas	-	43.521.378
- Giá vốn của dịch vụ tiệc cưới	-	1.903.589.592
- Giá vốn cho thuê mặt bằng và khác	3.378.925.010	486.056.172
Cộng	1.448.383.460.766	1.324.563.374.493

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	22.564.064	39.490.948
- Cổ tức lợi nhuận được chia	214.724.000	393.987.901
- Thu từ hợp tác kinh doanh	2.237.658.543	2.163.522.271
- Doanh thu tài chính khác	819.812.220	88.623.284
Cộng	3.294.758.827	2.685.624.404

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	147.045.758	406.789.335
- Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	22.518.733	181.322.356
- Hoàn nhập đầu tư tài chính	(142.765.350)	(2.838.709.714)
- Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	28.188.356	1.187.658.318
- Chi phí tài chính khác	41.019.496	53.398.376
Cộng	96.006.993	(1.009.541.329)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	39.420.670.613	34.000.341.008
- Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	3.555.097.589	3.096.194.837
- Chi phí khấu hao	5.418.739.547	7.503.533.685
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	12.136.645.488	9.683.847.481
Cộng	60.531.153.237	54.283.917.011

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	26.001.863.098	18.394.352.060
- Chi phí vật liệu quản lý	848.633.052	660.487.749
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	162.421.400	343.515.144
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	18.533.063.436	12.701.615.544
Cộng	45.545.980.986	32.099.970.497

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.763.654.588	7.722.118.269
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(3.434.031.819)	(1.926.668.509)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.434.031.819)	(1.926.668.509)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.329.622.769	5.795.449.760
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	12.400.000	12.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	833	467

(*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay là số tạm trích theo tỷ lệ trích của năm trước theo Nghị quyết số 216/NQ-TMC-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Đại Hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.763.654.588	7.722.118.269
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.434.031.819)	(1.926.668.509)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.329.622.769	5.795.449.760
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	12.400.000	12.400.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>833</u>	<u>467</u>

9. Thông tin so sánh

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trong năm nay trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 216/NQ-TMC-ĐHĐCĐ ngày 26/03/2021 làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 424 VND/CP lên 467 VND/CP.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.403.730.641	3.756.682.586
- Chi phí nhân công	65.422.533.711	52.394.693.068
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.395.522.321	8.333.105.001
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	30.669.708.924	22.385.463.025
Cộng	<u>108.891.495.597</u>	<u>86.869.943.680</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐƠN VỊ TÍNH: VND)**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	79.554.377.081	237.501.140.000
Cộng	<u>79.554.377.081</u>	<u>237.501.140.000</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(100.554.377.081)	(256.316.140.000)
Cộng	<u>(100.554.377.081)</u>	<u>(256.316.140.000)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm:

Thành viên quản lý chủ chốt	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	863.894.174	826.272.000
Nguyễn Thanh Bình	Phó GD	619.297.348	638.752.000
Nghiêm Thị Thanh Mai	Phó GD	696.650.348	637.801.000
Nguyễn Anh Tuấn	Phó GD	593.965.000	584.419.000
Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng	593.993.348	538.572.000
Nguyễn Thị Mỹ Dung	Trưởng BKS	501.827.000	412.722.000
Cộng		3.869.627.218	3.638.538.000

Thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm:

Thành viên quản lý chủ chốt	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Đỗ Hoàng Phúc (*)	Chủ tịch HĐQT	357.840.152	-
Võ Khánh Hưng (**)	Chủ tịch HĐQT đến ngày 22/06/2021	97.770.000	128.931.000
Nguyễn Quốc Cường	TV HĐQT	75.180.000	96.449.000
Huỳnh Ngọc Thành	TV HĐQT	75.180.000	66.018.000
Phạm Khắc Vũ Thụy	TV BKS	36.000.000	63.965.000
Nguyễn Phú Khánh	TV BKS	36.000.000	27.500.000
Cộng		677.970.152	382.863.000

Trong đó:

(*) Ông Đỗ Hoàng Phúc được bổ nhiệm vào ngày 22/06/2021.

(**) Ông Võ Khánh Hưng miễn nhiệm ngày 22/06/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

- Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP

Công ty mẹ

- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)

Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (SaiGon Petro)

Là cổ đông có vốn góp lớn (chiếm 14,90% vốn điều lệ của Công ty)

- Tổng Công ty TM Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP (Petec)

Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa

Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

Công ty CP Dầu khí Mê Kông

Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ

Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (Pvoil Vũng Án)

Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận

Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu

Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên

Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế

Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định

Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình

Cùng là đơn vị thành viên của Tổng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Pvoil Miền Trung	Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL) Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Pvoil Hải Phòng	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)
Công ty CP TM DL Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)	Công ty mua hàng	850.519.544.249	653.820.054.543
- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (SaiGon Petro)	Công ty mua hàng	309.088.377.730	507.459.254.551
- Tổng Công ty TM Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP (PeteC)	Công ty mua hàng	116.129.798.302	62.219.360.000
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam- Công ty CP	Công ty bán hàng và dịch vụ	889.090.909	-
Cộng		1.276.626.811.190	1.223.498.669.094

Ghi chú: Các giá trị giao dịch mua bán trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Số dư cuối năm các bên liên quan:**

Xem tại các mục thuyết minh V.3; V.5, V.13, V.17.

2. Báo cáo bộ phận**- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh****Năm nay**

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Xăng dầu	1.466.083.864.350	1.364.387.028.553	101.696.835.797	6,94%
Xe máy	79.707.233.223	70.383.632.704	9.323.600.519	11,70%
Sắt thép	12.106.559.422	10.233.874.499	1.872.684.923	15,47%
Hàng hóa điện máy	-	-	-	-
Gas	-	-	-	-
Dịch vụ tiệc cưới	-	-	-	-
Cho thuê mặt bằng và khác	10.307.635.057	3.378.925.010	6.928.710.047	67,22%
Cộng	1.568.205.292.052	1.448.383.460.766	119.821.831.286	7,64%

Năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Xăng dầu	1.281.629.897.942	1.213.385.284.992	68.244.612.950	5,32%
Xe máy	102.501.706.362	90.386.458.098	12.115.248.264	11,82%
Sắt thép	18.335.269.430	17.439.729.228	895.540.202	4,88%
Điện máy, điện tử gia dụng	918.735.033	918.735.033	-	-
Gas	39.564.905	43.521.378	(3.956.473)	(10,00%)
Dịch vụ tiệc cưới	3.561.015.909	1.903.589.592	1.657.426.317	46,54%
Cho thuê mặt bằng và khác	9.550.889.661	486.056.172	9.064.833.489	94,91%
Cộng	1.416.537.079.242	1.324.563.374.493	91.973.704.749	6,49%

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

331287
 CÔNG
 NHẬN
 TOÁN V
 TÀI
 TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tài sản đảm bảo

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không còn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty cho tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2022.

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng

VIÊN THIÊN KHANH

Giám đốc



HOÀNG ĐÌNH SƠN



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
 Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
 Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TẶNG GIÁM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	I	2	4	6	7
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2020	124.000.000.000	27.458.121.096	28.559.631.451	20.771.249.295	200.789.001.842
2. Tăng trong năm trước	-	-	1.508.931.604	7.722.118.269	9.231.049.873
- Lỗ trong năm	-	-	-	7.722.118.269	7.722.118.269
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	1.508.931.604	-	1.508.931.604
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	(13.548.310.876)	(13.548.310.876)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(1.508.931.604)	(1.508.931.604)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.419.379.272)	(5.419.379.272)
- Chia cổ tức	-	-	-	(6.200.000.000)	(6.200.000.000)
- Trích thưởng Ban quản lý	-	-	-	(420.000.000)	(420.000.000)
4. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	124.000.000.000	27.458.121.096	30.068.563.055	14.945.056.688	196.471.740.839
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2021	124.000.000.000	27.458.121.096	30.068.563.055	14.945.056.688	196.471.740.839
6. Tăng trong năm nay	-	-	386.105.913	13.763.654.588	14.149.760.501
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	13.763.654.588	13.763.654.588
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	386.105.913	-	386.105.913
- Tăng khác	-	-	-	-	-
7. Giảm trong năm nay	-	-	-	(13.472.774.422)	(13.472.774.422)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(386.105.913)	(386.105.913)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.699.396.009)	(1.699.396.009)
- Chia cổ tức	-	-	-	(11.160.000.000)	(11.160.000.000)
- Trích thưởng Ban quản lý	-	-	-	(227.272.500)	(227.272.500)
8. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	124.000.000.000	27.458.121.096	30.454.668.968	15.235.936.854	197.148.726.918

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2022

Giám đốc



HOÀNG ĐÌNH SƠN

